ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
ĐẢNG ỦY XÃ THƯỢNG ĐỨC
*
Số 252-KH/ĐU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thượng Đức, ngày 30 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH

thực hiện Chương trình hành động số 126-CTr/TU ngày 18/9/2026 của Thành ủy Đà Nẵng triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam

---

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam; Chương trình hành động số 33-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị; Chương trình hành động số 126-CTr/TU ngày 18/9/2026 của Thành ủy Đà Nẵng về triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam, Ban Thường vụ Đảng ủy xã ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Đổi mới mô hình phát triển là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài, đồng thời là yêu cầu cấp thiết để Thượng Đức chuyển từ phát triển chủ yếu dựa vào nông nghiệp, lao động giản đơn và đầu tư phân tán sang phát triển dựa trên năng suất, chất lượng nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, tổ chức lại không gian kinh tế và sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Phát triển kinh tế phải tạo ra việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng sống của Nhân dân; kết quả phát triển phải được thể hiện bằng những chuyển biến thực chất ở từng thôn, từng cộng đồng dân cư.

2. Đặt sự phát triển của Thượng Đức trong tổng thể không gian phát triển mới của thành phố Đà Nẵng. Phát huy vị trí kết nối giữa khu vực miền núi phía Tây với vùng đồng bằng; liên kết phát triển công nghiệp, thương mại, du lịch và thị trường lao động với các địa phương lân cận. Khai thác lợi thế của một xã có không gian rộng, tài nguyên rừng, cảnh quan sông núi, di tích lịch sử và bản sắc văn hóa các cộng đồng dân cư; khắc phục tình trạng phát triển chia cắt giữa các địa bàn trước sắp xếp đơn vị hành chính.

3. Xác lập mô hình phát triển của xã trên bốn trụ cột có quan hệ hỗ trợ lẫn nhau: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng tạo việc làm, mở rộng năng lực sản xuất; thương mại, dịch vụ và du lịch nâng cao giá trị của không gian, lịch sử, văn hóa; nông nghiệp và kinh tế rừng phát triển theo hướng sinh thái, có liên kết thị trường; quản trị số và chính quyền địa phương hai cấp tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực. Kết cấu hạ tầng chiến lược, quy hoạch thống nhất và nguồn nhân lực là nền tảng để vận hành mô hình đó.

4. Phát triển nhanh phải gắn với phát triển bền vững. Quản lý chặt chẽ đất đai,

rừng, nước và khoáng sản; bảo vệ dòng chảy, cảnh quan, môi trường sống và các khu vực có nguy cơ thiên tai. Việc bố trí lại dân cư, xây dựng các khu tái định cư và đầu tư công trình phòng, chống thiên tai phải đi trước một bước ở địa bàn xung yếu, gắn ổn định chỗ ở với sinh kế, dịch vụ thiết yếu và sự gắn kết cộng đồng. Không đánh đổi an toàn của Nhân dân và môi trường sinh thái lấy tăng trưởng trước mắt.

5. Giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy hiệu lực, hiệu quả của chính quyền địa phương hai cấp, quyền làm chủ của Nhân dân và vai trò của doanh nghiệp, hợp tác xã. Tổ chức thực hiện theo mục tiêu và kết quả đầu ra; mỗi nhiệm vụ xác định rõ cấp có thẩm quyền, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm, thời hạn, nguồn lực và trách nhiệm người đứng đầu. Những công trình thuộc thẩm quyền thành phố phải được xã chủ động chuẩn bị điều kiện, phối hợp và kiến nghị giải quyết, không chờ đợi, đùn đẩy trách nhiệm.

II. MỤC TIÊU VÀ TẦM NHÌN

1. Mục tiêu đến năm 2030

Hình thành rõ nét mô hình kinh tế của Thượng Đức theo hướng công nghiệp, dịch vụ, du lịch và nông nghiệp sinh thái cùng phát triển; năng suất lao động, giá trị sản xuất, thu nhập và chất lượng việc làm được nâng lên. Trung tâm xã từng bước trở thành đầu mối hành chính, thương mại, dịch vụ của toàn địa bàn; các trục kết nối liên xã và liên vùng mở rộng không gian thu hút đầu tư; vùng sản xuất nông nghiệp, kinh tế rừng, không gian du lịch và các khu dân cư được tổ chức theo quy hoạch, thích ứng với thiên tai.

Phấn đấu thực hiện các mục tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2025–2030: tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân hằng năm 12–13%; đến năm 2030, cơ cấu kinh tế định hướng gồm nông, lâm nghiệp và thủy sản 12,81%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng 35,2%, thương mại, dịch vụ và du lịch 51,99%. Phấn đấu xã Thượng Đức đạt chuẩn nông thôn mới năm 2029 theo Nghị quyết số 14-NQ/ĐU của Đảng ủy xã; nâng cao thu nhập của người dân theo mục tiêu đã được xác định trong các nghị quyết của Đảng bộ xã.

Tạo chuyển biến thực chất trong phát triển công nghiệp, trước hết là hoàn thiện điều kiện về quy hoạch, đất đai, hạ tầng, môi trường để thúc đẩy các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất và dự án có khả năng tạo việc làm tại chỗ. Hình thành sản phẩm du lịch lịch sử, sinh thái, cộng đồng có bản sắc riêng; phát triển kinh tế rừng, nông sản và sản phẩm địa phương theo chuỗi giá trị. Xây dựng chính quyền xã có năng lực quản trị địa bàn rộng, phục vụ người dân và doanh nghiệp kịp thời, thông suốt trên nền tảng dữ liệu số.

2. Định hướng đến năm 2045

Xây dựng Thượng Đức trở thành địa bàn phát triển năng động ở cửa ngõ kết nối miền núi phía Tây với vùng đồng bằng của thành phố; có cơ cấu kinh tế hiện đại, công nghiệp và dịch vụ đóng vai trò chủ lực, nông nghiệp và kinh tế rừng phát triển theo hướng sinh thái, giá trị cao. Không gian trung tâm xã, các hành lang giao

thông, khu sản xuất, điểm du lịch và khu dân cư được tổ chức đồng bộ, an toàn, xanh và có khả năng thích ứng cao với biến đổi khí hậu.

Thượng Đức là địa phương gìn giữ và phát huy có hiệu quả truyền thống cách mạng, di sản Chiến thắng Thượng Đức, cảnh quan tự nhiên và giá trị văn hóa của đồng bào Cơ Tu; người dân được tiếp cận thuận lợi với việc làm, giáo dục, y tế, dịch vụ số và các thành quả phát triển. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

3. Tầm nhìn dài hạn đến năm 2130

Phù hợp với tầm nhìn 2075–2130 của Chương trình hành động số 126-CTr/TU, định hướng Thượng Đức trở thành không gian sinh thái, văn hóa và kinh tế đặc sắc trong cấu trúc phát triển dài hạn của thành phố Đà Nẵng: rừng và hệ thống sông suối được bảo vệ, phục hồi; các khu dân cư an toàn trước thiên tai; di sản lịch sử và văn hóa các dân tộc được trao truyền; sản xuất và quản trị dựa trên công nghệ tiên tiến, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và phát thải thấp. Tầm nhìn này là căn cứ để xem xét các quyết định quy hoạch, sử dụng đất và đầu tư của giai đoạn hiện nay, bảo đảm không làm mất đi dư địa phát triển của các thế hệ sau.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Đổi mới tư duy phát triển, phương thức lãnh đạo và quản trị của xã

Tổ chức quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 126-CTr/TU trong toàn Đảng bộ, hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ, đảng viên; làm rõ nội dung đổi mới mô hình phát triển gắn với từng lĩnh vực, từng thôn và từng vị trí công tác. Đưa yêu cầu nâng cao năng suất, hiệu quả sử dụng nguồn lực, chất lượng phục vụ Nhân dân vào chương trình công tác và tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

Chuyển trọng tâm chỉ đạo từ xử lý từng việc riêng lẻ sang quản trị phát triển theo quy hoạch, không gian và chuỗi dự án. Đối với mỗi dự án động lực, xác định đồng thời tác động đến sản xuất, việc làm, dân cư, môi trường và quốc phòng, an ninh; xử lý sớm các quan hệ liên ngành về đất đai, giao thông, nguồn vốn, bồi thường và tái định cư. Duy trì cơ chế làm việc định kỳ của Thường trực, Ban Thường vụ Đảng ủy với Ủy ban nhân dân xã để tháo gỡ những điểm nghẽn vượt quá trách nhiệm của một bộ phận chuyên môn.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương hai cấp sau sắp xếp; thường xuyên rà soát, cập nhật, công khai thủ tục hành chính, quy trình và thời hạn giải quyết; phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn và người đứng đầu trong giải quyết hồ sơ liên thông, không để xảy ra tình trạng chồng chéo, đùn đẩy, chậm trễ. Chủ động kiến nghị thành phố hoàn thiện phân cấp, hướng dẫn chuyên môn và bảo đảm điều kiện về nhân lực, hạ tầng, dữ liệu cho cấp xã; lấy chất lượng giải quyết công việc và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo hiệu quả hoạt động.

2. Tổ chức lại không gian phát triển, hình thành trung tâm xã và các

hành lang động lực

Tập trung hoàn thiện, trình phê duyệt và tổ chức thực hiện Quy hoạch chung xã Thượng Đức đến năm 2050 theo thẩm quyền. Trên nền quy hoạch thống nhất sau sắp xếp địa giới, xác định rõ chức năng khu trung tâm hành chính, thương mại và dịch vụ; không gian công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; vùng nông nghiệp, lâm nghiệp; không gian du lịch lịch sử, sinh thái, cộng đồng; khu vực bảo vệ rừng, nguồn nước; địa bàn cần di dời, tái định cư và khu vực hạn chế phát triển do rủi ro thiên tai.

Ưu tiên hình thành trung tâm xã có khả năng phục vụ toàn bộ địa bàn, gắn trụ sở các cơ quan, thiết chế công cộng, không gian thương mại, khu dân cư và hệ thống giao thông. Nghiên cứu phát triển khu dân cư, phố chợ và các điểm dịch vụ phù hợp quy hoạch, nhu cầu thị trường và khả năng huy động nguồn lực. Quản lý chặt chẽ quỹ đất tại các trục giao thông và khu trung tâm; công khai thông tin quy hoạch, ngăn chặn đầu cơ, lấn chiếm, xây dựng trái phép và chuyển mục đích sử dụng đất không đúng quy định.

Xác định cầu Hà Tân, tuyến ĐH12, tuyến ĐT609 và đường tránh lũ là các kết nối có ý nghĩa tổ chức lại không gian kinh tế, mở đường tiếp cận thị trường và bảo đảm an toàn dân cư. Việc chuẩn bị các dự án phải gắn với quy hoạch khu sản xuất, khu dịch vụ, trung tâm xã và các khu tái định cư để một đồng vốn đầu tư hạ tầng tạo ra nhiều tác động phát triển.

3. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và kinh tế tư nhân thành động lực chuyển dịch cơ cấu

Tập trung tháo gỡ những vướng mắc về quy hoạch, đất đai, hạ tầng kết nối, cấp điện, cấp nước, xử lý môi trường đối với Cụm công nghiệp Đại Sơn, định hướng Cụm công nghiệp Tân Đợi–Đồng Chàm và các cơ sở sản xuất có tiềm năng. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư đẩy nhanh việc chuẩn bị, triển khai những dự án có khả năng tạo việc làm, hình thành chuỗi cung ứng, mở rộng nguồn thu và nâng cao năng lực sản xuất của địa phương; lựa chọn dự án trên cơ sở hiệu quả kinh tế, sử dụng đất tiết kiệm và yêu cầu bảo vệ môi trường.

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh nâng cao năng lực quản trị, tiếp cận thị trường, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi hộ kinh doanh có điều kiện thành doanh nghiệp. Gắn thu hút đầu tư với đào tạo nghề, chuyển dịch lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ; ưu tiên cơ hội việc làm cho lao động tại địa phương, người dân trong vùng dự án và các hộ phải di dời, tái định cư. Không xem diện tích đất dành cho công nghiệp là kết quả cuối cùng; kết quả phải được đo bằng dự án hoạt động hiệu quả, việc làm bền vững, năng suất và đóng góp cho đời sống Nhân dân.

4. Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch trên nền tảng lịch sử, cảnh quan và văn hóa

Xây dựng sản phẩm du lịch Thượng Đức có câu chuyện, tuyến điểm và chủ thể kinh doanh rõ ràng; kết nối di tích Chiến thắng Thượng Đức với cảnh quan sông, suối, rừng, làng quê và các điểm có tiềm năng như Thác Cạn, Khe Hoa, Sông

Cùng, Thái Chấn Sơn. Tập trung hoàn thiện điều kiện tiếp cận, an toàn, vệ sinh môi trường, hướng dẫn trải nghiệm, dịch vụ lưu trú và tiêu thụ sản phẩm địa phương trước khi mở rộng quảng bá. Phối hợp với doanh nghiệp và cộng đồng xây dựng tuyến du lịch liên kết với các địa phương lân cận, từng bước đưa khách đến Thượng Đức và kéo dài thời gian lưu trú.

Bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị văn hóa của đồng bào Cơ Tu với sự tham gia và quyền quyết định của cộng đồng; hỗ trợ truyền dạy tiếng nói, tri thức bản địa, nghề thủ công, nghệ thuật trình diễn, ẩm thực và nếp sinh hoạt có giá trị. Việc phát triển du lịch cộng đồng phải tạo thu nhập công bằng cho người dân, tôn trọng không gian văn hóa và tránh thương mại hóa làm sai lệch bản sắc. Đồng thời, bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử theo quy định; số hóa tư liệu và xây dựng nội dung thuyết minh có căn cứ, để lịch sử Thượng Đức trở thành nguồn lực giáo dục truyền thống và phát triển dịch vụ văn hóa.

Phát triển thương mại tại trung tâm xã và các điểm dân cư có điều kiện, liên kết tiêu thụ nông sản, sản phẩm OCOP, sản phẩm thủ công với du lịch và nền tảng số. Khuyến khích các mô hình dịch vụ phục vụ sản xuất, vận tải, bảo quản, chế biến và phân phối, từng bước mở rộng thị trường cho sản phẩm của Thượng Đức.

5. Cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế rừng và nâng cao giá trị sản phẩm địa phương

Chuyển từ mở rộng sản lượng đơn thuần sang nâng cao giá trị trên một đơn vị đất, chất lượng sản phẩm và khả năng chống chịu trước biến động thị trường, thiên tai. Tổ chức lại vùng sản xuất theo điều kiện đất đai, nguồn nước và khả năng kết nối thị trường; thúc đẩy liên kết giữa nông dân, hợp tác xã, cơ sở chế biến và doanh nghiệp tiêu thụ. Ứng dụng giống, quy trình sản xuất an toàn, công nghệ bảo quản và truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm có lợi thế; gắn phát triển nông nghiệp với trải nghiệm du lịch, cảnh quan nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Nâng cao hiệu quả bảo vệ và phát triển rừng, sử dụng bền vững đất lâm nghiệp; nghiên cứu chuyển đổi phù hợp sang rừng gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ và các mô hình sinh kế dưới tán rừng theo quy định. Bảo vệ rừng đầu nguồn và hành lang sông suối như một bộ phận của hạ tầng sinh thái, có ý nghĩa trực tiếp đối với an ninh nguồn nước, giảm rủi ro sạt lở và giá trị lâu dài của du lịch. Chủ động tiếp cận các cơ chế, chính sách của thành phố về kinh tế xanh và dịch vụ môi trường rừng khi đủ điều kiện.

6. Đưa khoa học, công nghệ và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW vào từng khâu phát triển

Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị theo hướng giải quyết các bài toán cụ thể của một xã có địa bàn rộng: quản lý quy hoạch và đất đai sau sắp xếp; theo dõi dự án, giải phóng mặt bằng; giám sát tài nguyên, khoáng sản và rủi ro thiên tai; quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc; giới thiệu điểm đến và cung cấp dịch vụ công. Hoàn thiện, làm sạch, kết nối và khai thác dữ liệu theo hệ thống dùng chung của thành phố; tránh xây dựng cơ sở dữ liệu riêng lẻ, trùng lặp, khó duy trì.

Tăng cường năng lực số cho cán bộ, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và Nhân dân; quan tâm hoàn thiện hạ tầng, trang thiết bị và kết nối hệ thống giải quyết thủ tục hành chính với thành phố. Đẩy mạnh hướng dẫn, hỗ trợ người cao tuổi, người dân ở các thôn xa và các đối tượng hạn chế kỹ năng số tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số và các tiện ích số thiết yếu. Việc ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo phải gắn với hiệu quả thực tiễn, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bí mật nhà nước.

7. Quản lý tài nguyên, khoáng sản và tổ chức lại dân cư theo yêu cầu phát triển bền vững

Rà soát, cập nhật hồ sơ đất đai, ranh giới các loại đất và hiện trạng sử dụng đất sau sắp xếp đơn vị hành chính; ưu tiên giải quyết các khu vực chồng lấn, tranh chấp và những vướng mắc cản trở triển khai quy hoạch, dự án, quyền lợi hợp pháp của người dân. Phân bổ đất cho công nghiệp, dịch vụ, hạ tầng, tái định cư và sản xuất nông nghiệp trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt, hiệu quả sử dụng và khả năng bảo vệ hệ sinh thái.

Tăng cường kiểm tra các hoạt động khai thác cát, sỏi, đá, đất san lấp và khoáng sản khác; giám sát chặt chẽ khu vực ven sông, khu vực giáp ranh và các tuyến vận chuyển. Phối hợp cơ quan có thẩm quyền kiểm soát giấy phép, trữ lượng, nghĩa vụ tài chính, an toàn khai thác và phục hồi môi trường; xử lý nghiêm khai thác trái phép, không để thất thoát tài nguyên, biến dạng dòng chảy hoặc gia tăng sạt lở. Từng bước ứng dụng dữ liệu địa lý, hình ảnh hiện trường và phản ánh của Nhân dân trong phát hiện, xử lý vi phạm.

Đẩy nhanh việc bố trí ổn định dân cư của Đồng Chàm, Gò Hiu, Đầu Gò, Hội Khách Đông và Hội Khách Tây theo danh mục của thành phố. Rà soát đúng đối tượng, mức độ rủi ro và nhu cầu sinh kế; công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; bảo đảm sự tham gia, giám sát của người dân. Việc di dời phải đi cùng điều kiện giao thông, nước, điện, trường học, chăm sóc sức khỏe và khả năng duy trì việc làm; không chuyển người dân từ nơi có rủi ro thiên tai sang nơi thiếu điều kiện sống ổn định.

8. Gắn phát triển với xây dựng Đảng, củng cố quốc phòng, an ninh và khối đại đoàn kết toàn dân

Nâng cao chất lượng tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ và năng lực lãnh đạo ở thôn, khu dân cư; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội trong vận động, phản biện, giám sát quy hoạch, đầu tư, đất đai, tái định cư và bảo vệ môi trường. Thực hiện dân chủ ở cơ sở, giải quyết kịp thời kiến nghị chính đáng của Nhân dân; giữ vững đồng thuận xã hội trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và bố trí lại dân cư.

Kết hợp chặt chẽ quy hoạch, đầu tư hạ tầng và phát triển kinh tế với xây dựng khu vực phòng thủ, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân. Chủ động nắm tình hình tại các khu công nghiệp, dự án đầu tư, địa bàn giáp ranh, khu vực khai thác khoáng sản và vùng di dời dân cư; phòng ngừa tội phạm, tranh chấp, khiếu kiện phức tạp, cháy rừng và các nguy cơ mất an ninh phi truyền thống. Xây

dựng lực lượng vũ trang cơ sở vững mạnh; bảo đảm an toàn cho các công trình, hoạt động sản xuất và đời sống Nhân dân.

IV. TẬP TRUNG CHUẨN BỊ CÁC DỰ ÁN CHIẾN LƯỢC, TẠO NỀN TẢNG CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA THƯỢNG ĐỨC

Đầu tư kết cấu hạ tầng phải phục vụ mục tiêu tổ chức lại không gian phát triển, mở rộng năng lực sản xuất, bảo đảm an toàn dân cư và nâng cao hiệu lực quản lý địa bàn. Trên cơ sở danh mục chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026–2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố, Đảng ủy xã tập trung lãnh đạo công tác chuẩn bị đối với các dự án có tác động trực tiếp đến quá trình phát triển của Thượng Đức; xác định rõ công việc thuộc trách nhiệm của xã để chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

Trọng tâm trước hết là hình thành mạng lưới giao thông có khả năng kết nối các không gian phát triển trong xã với thị trường bên ngoài. Cầu Hà Tân mới và đường dẫn kết nối tuyến ĐH12.ĐL với Quốc lộ 14B mở thêm hướng giao thương với xã Hà Nha và vùng đồng bằng. Tuyến ĐH12 được nâng cấp, mở rộng sẽ tăng khả năng liên kết giữa các địa bàn Đại Lãnh, Đại Sơn trước đây, kết nối khu dân cư với vùng sản xuất, trung tâm dịch vụ và các điểm du lịch. Tuyến ĐT609 từ ranh giới xã Hà Nha lên Thượng Đức được nâng cấp sẽ củng cố trục tiếp cận trung tâm xã, tạo điều kiện lưu thông hàng hóa, đi lại của Nhân dân và thu hút đầu tư. Đối với ba công trình này, xã phải chủ động rà soát hướng tuyến, hành lang giao thông, nhu cầu sử dụng đất, các điểm đấu nối và phương án giải phóng mặt bằng; đồng thời gắn việc chuẩn bị dự án với quy hoạch công nghiệp, thương mại, du lịch và khu trung tâm xã để phát huy hiệu quả của toàn mạng lưới sau đầu tư.

Tuyến đường tránh lũ nối Quốc lộ 14B với ĐH14.ĐL vừa tạo thêm hướng kết nối, vừa bảo đảm giao thông an toàn, liên tục khi xảy ra thiên tai. Công trình kè chống sạt lở bờ sông khu vực Hà Dục Đông – Tịnh Đông Tây đến Đại An có ý nghĩa bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhân dân, đất sản xuất và hạ tầng ven sông. Việc chuẩn bị hai dự án phải dựa trên đánh giá đầy đủ về ngập lũ, sạt lở, dòng chảy và phân bố dân cư; kết hợp giải pháp công trình với quản lý hành lang sông suối, bảo vệ rừng và cảnh báo sớm, qua đó nâng cao sức chống chịu của địa bàn trước thiên tai.

Dự án xây dựng năm khu tái định cư, bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai tại Đồng Chàm, Gò Hiu, Đầu Gò, Hội Khách Đông và Hội Khách Tây phải được thực hiện theo quan điểm lấy ổn định cuộc sống lâu dài của Nhân dân làm mục tiêu. Xã tập trung rà soát mức độ rủi ro tại từng khu vực, xác định đúng nhu cầu và đối tượng di dời; chuẩn bị quỹ đất, phương án bồi thường, hỗ trợ và hạ tầng thiết yếu; gắn nơi ở mới với điều kiện sản xuất, việc làm, học tập, chăm sóc sức khỏe và sinh hoạt cộng đồng. Mọi phương án phải được công khai, lấy ý kiến và tạo sự đồng thuận của người dân; không để việc di dời giải quyết được nguy cơ thiên tai nhưng làm phát sinh khó khăn kéo dài về sinh kế.

Cùng với hạ tầng kinh tế và an toàn dân cư, dự án trụ sở Công an xã Thượng

Đức góp phần tăng cường năng lực bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn rộng, đáp ứng yêu cầu quản lý dân cư, bảo vệ các công trình, dự án và vận hành hiệu quả chính quyền địa phương hai cấp. Vị trí, quy mô và kết nối của công trình cần được xem xét trong tổng thể quy hoạch trung tâm xã, bảo đảm thuận lợi cho phối hợp công tác và phục vụ Nhân dân.

Ủy ban nhân dân xã thiết lập hồ sơ theo dõi đối với từng dự án, phân công đầu mối chịu trách nhiệm, xác định những việc phải hoàn thành về quy hoạch, đất đai, khảo sát hiện trạng, giải phóng mặt bằng và phối hợp liên địa phương; kịp thời báo cáo Đảng ủy những vướng mắc cần kiến nghị thành phố giải quyết. Việc các dự án được đưa vào danh mục chuẩn bị đầu tư là cơ sở để xã chủ động tạo điều kiện triển khai; quyết định đầu tư, bố trí vốn xây dựng và tiến độ thực hiện phải tuân theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Bên cạnh bảy dự án nêu trên, tiếp tục chuẩn bị và xúc tiến các công trình, dự án về công nghiệp, trung tâm xã, thương mại và du lịch đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã và Chương trình hành động số 17-CTr/ĐU. Lựa chọn thứ tự ưu tiên theo khả năng tháo gỡ điểm nghẽn, tác động lan tỏa và hiệu quả sử dụng nguồn lực; lấy đầu tư công dẫn dắt, khơi thông nguồn lực xã hội để từng bước hình thành cấu trúc kinh tế mới của Thượng Đức.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy trực tiếp lãnh đạo, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ làm việc chuyên đề về quy hoạch, công nghiệp, du lịch, chuyển đổi số và các dự án chiến lược. Những vấn đề liên quan nhiều cơ quan hoặc vượt thẩm quyền của xã phải được kết luận rõ trách nhiệm tham mưu, thời hạn báo cáo và nội dung kiến nghị cấp trên.

2. Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch triển khai với danh mục nhiệm vụ, dự án và sản phẩm cụ thể; rà soát sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm. Đối với từng nhiệm vụ, xác định cơ quan chủ trì, phối hợp, mốc hoàn thành, nguồn lực, kết quả cần đạt và trách nhiệm của người đứng đầu. Ưu tiên hoàn thành hồ sơ chuẩn bị đối với những dự án có điều kiện triển khai sớm; chủ động làm việc với các sở, ngành, chủ đầu tư và địa phương liên quan. Chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công nâng cao chất lượng tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ và việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị; thường xuyên theo dõi thái độ, trách nhiệm phục vụ và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Cụ thể hóa nhiệm vụ, trách nhiệm và cam kết kết quả thực hiện hằng năm của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, gắn với công tác đánh giá, xếp loại theo quy định.

3. Hội đồng nhân dân xã quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền về kế hoạch, ngân sách, đầu tư công và giám sát việc sử dụng nguồn lực; chú trọng giám sát quy hoạch, đất đai, khoáng sản, tái định cư, tiến độ dự án và tác động thực tế đối với đời sống Nhân dân.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị – xã hội tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện; giám

sát, phản biện xã hội đối với những chủ trương, dự án có tác động trực tiếp đến cộng đồng, nhất là bồi thường, di dời, tái định cư, bảo vệ tài nguyên và phát huy văn hóa đồng bào Cơ Tu.

5. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy và các chi bộ trực thuộc đưa nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch vào chương trình công tác; làm rõ trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong đổi mới tư duy phát triển, chấp hành kỷ luật, kỷ cương và phục vụ Nhân dân. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy lựa chọn những lĩnh vực dễ phát sinh chậm trễ, thất thoát, tiêu cực để kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền.

6. Văn phòng Đảng ủy phối hợp với Ủy ban nhân dân xã theo dõi tiến độ, tổng hợp kết quả và tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy chỉ đạo tháo gỡ khó khăn. Tổ chức đánh giá hằng năm; sơ kết giữa kỳ vào năm 2028, tổng kết giai đoạn 2026–2030 theo yêu cầu của Chương trình hành động số 126-CTr/TU. Nội dung đánh giá tập trung vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, năng suất và chất lượng việc làm, hiệu quả sử dụng đất và đầu tư, tiến độ các dự án động lực, mức độ an toàn dân cư, chất lượng môi trường và sự hài lòng của Nhân dân; kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp khi điều kiện thực tiễn thay đổi.

Kế hoạch này phổ biến đến các chi bộ, đảng bộ trực thuộc để tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:
- Văn phòng Thành ủy (để b/cáo);
- Ủy ban Kiểm tra Thành ủy (để biết);
- HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy;
- Các chi bộ bộ trực thuộc;
- Các đồng chí Đảng ủy viên;
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY XÃ THƯỢNG ĐỨC
ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Mai Anh Sơn

Phụ lục 1

DANH MỤC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN XÃ THƯỢNG ĐỨC ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 252-KH/ĐU ngày 30/10/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Thượng Đức)

TT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026–2030	Giai đoạn 2031–2035	Giai đoạn 2036–2045
I	**PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU**			
1	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân hằng năm (%)	12–13	10–11	10–11
2	Tốc độ tăng giá trị ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân hằng năm (%)	4–4,5	4–5	4–5
3	Tốc độ tăng giá trị ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng bình quân hằng năm (%)	14–15	12–13	10–12
4	Tốc độ tăng giá trị ngành thương mại, dịch vụ và du lịch bình quân hằng năm (%)	13–14	12–13	10–12
5	Tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản trong cơ cấu kinh tế đến cuối kỳ (%)	12,81	≤ 11	≤ 8
6	Tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng trong cơ cấu kinh tế đến cuối kỳ (%)	35,2	≥ 37	≥ 40
7	Tỷ trọng thương mại, dịch vụ và du lịch trong cơ cấu kinh tế đến cuối kỳ (%)	51,99	≥ 52	≥ 52
8	Tốc độ tăng tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn bình quân hằng năm (%)	8–10	8–10	8–10
II	**PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI, NGUỒN NHÂN LỰC VÀ CHẤT LƯỢNG SỐNG**			
9	Quy mô dân số xã đến cuối kỳ (nghìn người, dự báo)	Khoảng 23,4	Khoảng 24,6	Khoảng 27,2

TT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026–2030	Giai đoạn 2031–2035	Giai đoạn 2036–2045
10	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đến cuối kỳ (tuổi)	75,6	76,3	78,7
11	Số năm sống khỏe đến cuối kỳ (năm)	68	69	71
12	Tỷ lệ người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ trong số người cư trú tại xã đang theo học giáo dục đại học (%)	≥ 35	≥ 40	> 40
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến cuối kỳ (%)	70	≥ 75	≥ 85
14	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đến cuối kỳ (%)	72	≥ 75	≥ 80
15	Số lao động được giải quyết việc làm mới bình quân hằng năm (người)	200–300	≥ 300	≥ 350
16	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến cuối kỳ (%)	≥ 99	≥ 99	≥ 99
17	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đến cuối kỳ (%)	> 97,6	≥ 99	100
18	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đến cuối kỳ (%)	< 2	< 1,5	< 1
III	**KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN, NÔNG THÔN MỚI VÀ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI**			
19	Xã đạt chuẩn nông thôn mới	Hoàn thành 10/10 tiêu chí và được công nhận năm 2029	Duy trì 10/10 tiêu chí	Duy trì 10/10 tiêu chí
20	Số thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu đến cuối kỳ	Ít nhất 03/10 thôn vào năm 2029	Ít nhất 05/10 thôn	Phấn đấu 10/10 thôn
21	Tỷ lệ che phủ rừng đến cuối kỳ (%)	≥ 73	≥ 75	≥ 78

TT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026–2030	Giai đoạn 2031–2035	Giai đoạn 2036–2045
22	Tỷ lệ diện tích rừng trồng được trồng lại sau khai thác (%)	100	100	100
23	Tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch đến cuối kỳ (%)	≥ 98	≥ 99	100
24	Tỷ lệ hộ gia đình tham gia thu gom chất thải rắn sinh hoạt đến cuối kỳ (%)	85–87	≥ 90	≥ 95
IV	**XÂY DỰNG ĐẢNG, QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**			
25	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm (%)	≥ 90	≥ 90	≥ 90
26	Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu giao quân hằng năm (%)	100	100	100
27	Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự	Đạt hằng năm	Đạt hằng năm	Đạt hằng năm

Phụ lục 2

DANH MỤC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM

(Kèm theo Kế hoạch số 252-KH/ĐU ngày 30/10/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Thượng Đức)

TT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
I	**Về đổi mới phương thức lãnh đạo, quản trị và hoàn thiện hệ thống chính trị**				
1	Quán triệt Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 126-CTr/TU	Kế hoạch quán triệt; tài liệu tuyên truyền; báo cáo kết quả	Ban Xây dựng Đảng	Văn phòng Đảng ủy, UBND xã, Mặt trận và đoàn thể	Tháng 10/2026; thường xuyên
2	Cụ thể hóa Kế hoạch vào chương trình phát triển kinh tế – xã hội, đầu tư công, quy hoạch và kế hoạch chuyên ngành	Kế hoạch của UBND xã; danh mục nhiệm vụ, dự án	UBND xã	Các cơ quan tham mưu Đảng ủy, đơn vị liên quan	Năm 2026; cập nhật hằng năm
3	Nâng cao hiệu lực hoạt động chính quyền hai cấp; rà soát thẩm quyền, nhân lực và quy trình. Chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân và trách nhiệm phối hợp giải quyết hồ sơ liên thông.	Báo cáo rà soát; quy trình phối hợp; kiến nghị	UBND xã	Thường trực HĐND xã, cơ quan thành phố	2026–2027

TT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
II	**Về kinh tế, quy hoạch và kết cấu hạ tầng chiến lược**				
5	Hoàn thiện Quy hoạch chung xã đến năm 2050 gắn với đổi mới mô hình phát triển	Quy hoạch được phê duyệt; danh mục dự án ưu tiên	UBND xã	Các sở, ngành thành phố	2026–2027
6	Phát triển khu trung tâm xã gắn hành chính, thương mại, dịch vụ và dân cư	Phương án không gian; đề xuất quy hoạch chi tiết; danh mục dự án	UBND xã	Sở, ngành thành phố; HĐND, Mặt trận xã	2026–2030
7	Chuẩn bị cầu Hà Tân mới và đường dẫn kết nối ĐH12.ĐL với Quốc lộ 14B	Hồ sơ quy hoạch, đất đai, dân cư; báo cáo phối hợp	UBND xã	Chủ đầu tư, sở ngành, xã Hà Nha	Theo tiến độ cấp có thẩm quyền
8	Chuẩn bị nâng cấp, mở rộng tuyến ĐH12 (Đại Lãnh – Đại Sơn cũ)	Báo cáo hành lang tuyến, đấu nối, đất đai, dân cư	UBND xã	Chủ đầu tư, sở ngành, các thôn	Theo tiến độ cấp có thẩm quyền
9	Chuẩn bị nâng cấp tuyến ĐT609 từ xã Hà Nha lên Thượng Đức	Hồ sơ hiện trạng, hành lang tuyến và phương án phối hợp mặt bằng	UBND xã	Chủ đầu tư, sở ngành, xã Hà Nha	Theo tiến độ cấp có thẩm quyền
10	Chuẩn bị tuyến đường tránh lũ nối Quốc lộ 14B với ĐH14.ĐL	Dữ liệu vùng ngập, dân cư, đất đai; báo cáo kết nối quy hoạch	UBND xã	Chủ đầu tư, sở ngành, địa phương liên quan	Theo tiến độ cấp có thẩm quyền

TT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
11	Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; tháo gỡ vướng mắc Cụm công nghiệp Đại Sơn, định hướng Tân Đợi–Đồng Chàm	Báo cáo quy hoạch, đất đai, hạ tầng; danh mục vướng mắc, dự án kêu gọi đầu tư	UBND xã	Sở ngành, doanh nghiệp, nhà đầu tư	2026–2030
12	Phát triển thương mại, kinh tế tư nhân, hợp tác xã và chuỗi tiêu thụ sản phẩm	Kế hoạch hỗ trợ; danh mục sản phẩm và cơ sở ưu tiên	UBND xã	Cơ quan thành phố, doanh nghiệp, hợp tác xã	2026–2030
13	Phát triển du lịch lịch sử, sinh thái, cộng đồng	Đề án hoặc chương trình; tuyến điểm, sản phẩm, dự án ưu tiên	UBND xã	Cơ quan thành phố, doanh nghiệp, cộng đồng	2026–2030
14	Cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế rừng và sản phẩm địa phương	Kế hoạch vùng sản xuất; mô hình liên kết và ứng dụng công nghệ	UBND xã	Cơ quan thành phố, hợp tác xã, các thôn	2026–2030
III	**Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**				
15	Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW trong quản trị, sản xuất và phục vụ Nhân dân. Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số; tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các tiện ích số.	Kế hoạch; danh mục bài toán và ứng dụng; đánh giá hằng năm	UBND xã	Cơ quan thành phố, Công an xã, tổ công nghệ số	2026–2030

TT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
16	Chuẩn hóa, kết nối dữ liệu quy hoạch, đất đai, dự án, tài nguyên, dịch vụ công. Kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân.	Danh mục dữ liệu; quy trình cập nhật, khai thác trên nền tảng dùng chung	UBND xã	Cơ quan thành phố, Công an xã	2026–2030
IV	**Về xã hội, văn hóa và con người**				
17	Đào tạo nghề, chuyển dịch lao động theo nhu cầu công nghiệp, dịch vụ, du lịch	Kế hoạch đào tạo; báo cáo lao động qua đào tạo và việc làm	UBND xã	Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, đoàn thể	Hằng năm
18	Bảo tồn di tích lịch sử và văn hóa đồng bào Cơ Tu gắn với sinh kế	Kế hoạch bảo tồn; danh mục di sản, truyền dạy, sản phẩm du lịch	UBND xã	Cơ quan thành phố, Mặt trận, cộng đồng	2026–2030
19	Xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2029	Lộ trình 10/10 tiêu chí; hồ sơ công nhận; ít nhất 03/10 thôn kiểu mẫu	UBND xã	Sở ngành, Mặt trận, đoàn thể, các thôn	Năm 2029
V	**Về môi trường sinh thái, tài nguyên và thích ứng thiên tai**				
20	Chuẩn bị kè chống sạt lở Hà Dục Đông – Tịnh Đông Tây đến thôn Đại An	Hồ sơ hiện trạng sạt lở, dân cư, đất đai; báo cáo phối hợp	UBND xã	Chủ đầu tư, sở ngành, cộng đồng	Theo tiến độ cấp có thẩm quyền

TT	Nhiệm vụ, đề án, chương trình	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
21	Tổ chức tái định cư tại Đồng Chàm, Gò Hiu, Hội Khách	Nhu cầu di dời; hồ sơ đất, dân cư; phương án hạ tầng, sinh kế	UBND xã	Chủ đầu tư, sở ngành, Mặt trận, các thôn	Theo tiến độ cấp có thẩm quyền
22	Quản lý đất đai, khoáng sản, rừng và hành lang sông suối	Kế hoạch kiểm tra; bản đồ khu vực; báo cáo xử lý vi phạm	UBND xã	Công an xã, sở ngành, địa phương giáp ranh	Hằng năm
VI	**Về quốc phòng, an ninh**				
23	Chuẩn bị trụ sở Công an xã Thượng Đức gắn quy hoạch trung tâm xã	Hồ sơ vị trí, đất đai, kết nối hạ tầng; kiến nghị	UBND xã	Công an xã, chủ đầu tư, sở ngành	Theo tiến độ cấp có thẩm quyền
24	Kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh	Kế hoạch, phương án phối hợp; báo cáo đánh giá rủi ro	Công an xã, Ban CHQS xã	UBND xã, Mặt trận, đơn vị liên quan	Hằng năm